

Số: /BCTN-TH.NBN

Kiến Đức, ngày tháng năm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CUỐI NĂM HỌC

Năm học 2025 – 2026

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

- Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).
 - Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc được thành lập năm 1998.
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).
 - Địa chỉ: Thôn Quảng Thuận, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.
 - Diện tích: 18.000 m².
 - Địa chỉ Website: <http://c1nguyenbangoc.pgddakrlap.edu.vn/>
 - Tóm tắt cơ cấu tổ chức:
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).
 - Cơ sở giáo dục công lập, thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp-kỷ cương - thân thiện, có chất lượng giáo dục cao. Học sinh được tư duy, sáng tạo, được phát triển phẩm chất, năng lực.

Tầm nhìn: Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc luôn xác định mục tiêu với trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ là ngôi trường có bề dày truyền thống và năng động, nơi học sinh và giáo viên luôn có khát vọng học tập suốt đời, biết tư duy độc lập và sáng tạo để nâng cao lợi ích bản thân, góp phần xây dựng quê hương giàu đẹp.

Mục tiêu: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc được thành lập từ ngày 28/09/1998 theo Quyết định số 78/QĐ-TCCQ tỉnh Đắk Lắk.

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc đến nay đã được 26 năm hoạt động và phát triển. Trong suốt những năm qua là cả một chặng đường phấn đấu vì sự nghiệp trồng người của Đảng bộ, nhân dân trong toàn xã và tập thể thầy, trò trong nhà trường. Từ một trường mới tách từ trường Phổ thông cơ sở thiếu thốn về mọi mặt. Các lớp phải đi học nhờ tại các nhà văn hóa, tại đình các thôn trong toàn xã. Song

với sự quyết tâm các thể hệ lãnh đạo địa phương, tập thể thể hệ các nhà quản lí, các nhà giáo, trường ngày một phát triển cả về chất lượng và cơ sở vật chất. Đến nay, nhiều năm liền trường đạt danh hiệu Tập thể lao động Tiên tiến. Được UBND tỉnh Đắk Nông tặng cờ thi đua năm 2017 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I. Đến năm 2022, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, số lượng giáo viên giỏi, chiến sỹ thi đua ngày càng cao. Năm học 2025 – 2026 nhà trường có tổng số 31 CB-GV-NV, trong đó trình độ ĐH có 28 viên chức và 03 người lao động. Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo địa phương trong việc tu sửa, bổ sung, xây dựng cơ sở vật chất, nên năm học 2025 – 2026 cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được hoàn thiện đáp ứng nhu cầu việc dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông

Ngoài các thiết bị, đồ dùng thiết yếu như bàn ghế giáo viên, học sinh, tủ đựng hồ sơ, bảng viết, ... nhà trường được phụ huynh học sinh trang bị và được trang bị mỗi lớp 01 ti vi thông minh, 01 phòng học Tin học với 16 máy tính; phủ sóng Wifi tới tất cả các phòng học, đảm bảo thuận lợi cho việc tiếp cận công nghệ thông tin trong việc dạy học trực tiếp cũng như trực tuyến. Phát huy danh hiệu trường đạt chuẩn Quốc gia, nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Trong suốt những năm qua, nhà trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến được UBND xã tặng Giấy khen, UBND tỉnh tặng Bằng khen. Đặc biệt, năm học 2022 - 2023 nhà trường có 01 giáo viên được xét tặng Chiến sỹ thi đua toàn Quốc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Hoàng Văn Quyền.
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ: Thôn Quảng Thuận, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng
- Số điện thoại: 0917241896.
- hopthunguyenbangoc@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc được thành lập từ ngày 28/09/1998 theo Quyết định số 78/QĐ-TCCQ tỉnh Đắk Lắk. Trường đang hoạt động

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Số: 2399 /QĐ-UBND, *Đăk R'láp*, ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện *Đăk R'láp* Về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc nhiệm kỳ 2024 – 2029.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Số 1892/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 5 năm 2026, của Ủy ban nhân dân xã Kiến Đức.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Số 1905/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 05 năm 2023, của Ủy ban nhân dân huyện *Đăk R'láp*.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục được ban hành theo Quyết định số 09/QĐQC – TH.NBN, ngày 02 tháng 10 năm 2025 của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: - Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

* Thu theo Nghị quyết số 385/2024/NQ-HĐND,

I. Thu phục vụ lau chùi nhà vệ sinh.			
TRÙ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN PHỤC VỤ CHO HỌC SINH NĂM HỌC 2025 -2026	Tổng số tiền đã thu		68.229.000
	Số tiền đóng/năm		171.000
	Số tháng	Số tiền trả/tháng	Tổng số tiền chi trả

1. Chi trả tiền công dọn nhà vệ sinh	9	6.250.000	56.250.000
2. Chi mua dụng cụ, nước lau sàn	9	1.330.000	11.970.000
Cộng chi			68.220.000

*** Tài trợ theo thông tư 16/2018/TT-BGDĐT, ngày 03 tháng 08 năm 2018. Điều 3. Nội dung vận dụng tài trợ, mục 1, khoản a, khoản b về Trang thiết bị, đồ dùng phục vụ dạy và học, cải tạo sửa chữa xây dựng các hạng mục công trình phục vụ hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục.**

1	Thuê bảo dưỡng bảo trì máy tính phòng tin học	13,954,000 đồng (Mười ba triệu chín trăm năm mươi tư ngàn đồng);
2	Thay gạch nền phòng học	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	
Hiệu trưởng (HT)	1	0	0	1	0		
Phó Hiệu trưởng (PHT)	1	0	0	1	0		
Giáo viên	25	18	2	23	0	1	02 Hợp đồng
Nhân viên	4	3	0	3	0	1	01 bảo vệ
Cộng	31	22	2	27			

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích 10.000m², diện tích 01 học sinh 220m²

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Số liệu	SỐ LƯỢNG	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	16	
1	Phòng học	15	
a	Phòng kiên cố	8	
b	Phòng bán kiên cố	7	
c	Phòng tạm	0	
2	Phòng học bộ môn	1	
a	Phòng kiên cố	1	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
3	Khối phòng phục vụ học tập	0	
a	Phòng kiên cố	0	
b	Phòng bán kiên cố	0	
c	Phòng tạm	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	4	
1	Phòng kiên cố	0	
2	Phòng bán kiên cố	4	
3	Phòng tạm	0	
III	Thư viện	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	1	
1	Phòng kiên cố	0	
2	Phòng bán kiên cố	1	
3	Phòng tạm	0	
Cộng		22	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Số lượng
1	Toán – Tiếng Việt lớp 1(Giáo viên)	6

2	Tranh: Bộ mẫu chữ viết(8 tờ)	1
3	Tranh:Bộ chữ dạy tập viết (39 tờ)	1
4	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	12
5	Bộ tranh:Cơ thể người và các giác quan (7 tờ)	6
6	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường (6 tờ)	6
7	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân (18 tờ)	6
8	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại (2 tờ)	6
9	Bộ tranh về đội hình đội ngũ (3 tờ)	7
10	Bộ tranh về các tư thế vận động cơ bản (3 tờ)	7
11	Bộ tranh về bài tập thể dục (7 tờ)	7
12	Bộ tranh: Nghiêm trang khi chào cờ (2 tờ)	1
13	Bộ tranh: Yêu gia đình (5 tờ)	7
14	Bộ tranh: Thật thà (5 tờ)	7
15	Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình (7 tờ)	7
16	Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp (6 tờ)	7
17	Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp (6 tờ)	7
18	Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân (7 tờ)	7
19	Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích (6 tờ)	7
20	Bộ tranh các gương mặt cảm xúc cơ bản (5 tờ) GV	7
21	Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản (5 tờ) GV	7
22	Keyboard (đàn phím điện tử) Đàn Organ (bao đàn, chân, micro, headphone, pedal)	1

23	Bộ tranh về quê hương em (2 tờ)	6
24	Bộ tranh về lòng nhân ái (2 tờ)	6
25	Bộ tranh về đức tính chăm chỉ (2 tờ)	6
26	Bộ tranh về đức tính trung thực (2 tờ)	6
27	Bộ tranh về ý thức trách nhiệm (2 tờ)	6
28	Bộ tranh về kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân (2 tờ)	6
29	Bộ tranh về kỹ năng tự bảo vệ (2 tờ)	6
30	Bộ tranh về tuân thủ quy định nơi công cộng (2 tờ)	6
31	Bộ tranh minh họa cách thực hiện vệ sinh cá nhân trong tập luyện (3 tờ)	4
32	Bộ tranh minh họa các tư thế quỳ, ngồi cơ bản (1 tờ)	4
33	Bộ thẻ mệnh giá tiền Việt Nam	6
34	Bộ tranh gia đình em (6 tờ)	6
35	Bộ tranh nghề của bố mẹ em	6
36	Bộ tranh tình bạn	6
37	Thanh phách	35
38	Song loan	35
39	Trống nhỏ + dùi (đường kính 200mm)	10
40	Triangle (tam giác chuông)	10
41	Tambourine (trống lục lạc)	10
42	Chuông (bells)	10
43	Castanets	10

44	Maracas	10
45	Bảng vẽ cá nhân (300x420)mm	35
46	Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)	35
47	Bảng vẽ học nhóm (420x600)mm	12
48	Bảng pha màu (Palet) (bằng nhựa)	35
49	Bảng pha màu (Palet) (bằng nhựa)	35
50	Bộ công cụ thực hành với đất nặn (bằng gỗ)	35
51	Màu Goát lớp 2 (gồm 12 màu: đỏ, vàng, tím, xanh cô ban, xanh lá cây, xanh lục, cam, hồng, đen, trắng, nâu, xanh da trời) mỗi màu 200ml	18
52	Đất nặn 12 màu Tổng cộng 24kg	6
53	Bảng tên chữ cái Tiếng Việt	2
54	Mô hình đồng hồ F400mm	6
55	Cân đĩa kèm hộp quả cân	6
56	Bộ chai và ca 1 lít	4
57	Bộ tranh các thế hệ trong gia đình (6 tờ)	6
58	Bộ tranh về nghề nghiệp phổ biến trong xã hội (20 tờ)	6
59	Bổn thẻ Mệnh giá tiền Việt Nam	6
60	Bộ xương (01 tranh + 10 thẻ)	6
61	Hệ cơ (01 tranh + 07 thẻ)	6
62	Các bộ phận chính của cơ quan hô hấp (01 tranh + 03 thẻ)	6
63	Các bộ phận chính của cơ quan bài tiết nước tiểu (01 tranh + 04 thẻ)	6
64	Bộ tranh bốn mùa (04 tờ)	6

65	Bộ tranh mùa mưa và mùa khô (02 tờ)	6
66	Bộ tranh một số hiện tượng thiên tai thường gặp (05 tờ)	6
67	Video/clip Em yêu tổ quốc Việt Nam	1
68	Video/clip Về kính trọng thầy giáo cô giáo và yêu quý bạn bè	1
69	Video/clip Giữ lời hứa	1
70	Video/clip Quý trọng thời gian	1
71	Video/clip Bảo quản đồ dùng cá nhân	1
72	Video/clip Tìm kiếm sự hỗ trợ	1
73	Video/clip Xử lý bất hòa với bạn bè	1
74	Video/clip Tuân thủ quy định nơi công cộng	1
75	Video/clip Giới thiệu tả đồ vật	1
76	Thiết bị trong dạy học về thời gian	3
77	Phần mềm luyện gõ bàn phím	2
78	Cờ	5
79	Thước dây	2
80	Cờ lệnh thể thao	2
81	Biển lịch số	2
82	Năm thể thao	20
83	Bơm	1
84	Dây nhảy thể dục	20
85	Dây kéo co	1

86	Quả bóng rổ	5
87	Cột và lưới cầu long	1
88	Bàn và quân cờ vua	2
89	Video về ô nhiễm môi trường	1
90	Video về phong cảnh quê hương	1
91	Loa cầm tay	1
92	Kèn	2
93	Sáo	2
Cộng (Cái)		771

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền

của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026.

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025 – 2026.

- Số 04/KHGD – TH.NBN, ngày 29 tháng 09 năm 2025 về việc Ban hành Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026.

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

- Theo kế hoạch số 01/KH-TH.NBN ngày 10 tháng 6 năm 2025 của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc về việc tuyển sinh trẻ vào lớp 1 năm học 2025 – 2026.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

- Theo kế hoạch số 04/KH-TH.NBN ngày 29 tháng 09 năm 2025 của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc về việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục năm học 2025 – 2026.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

- Theo Quy chế phối hợp số 02/QCPH-NT-GD-XH, Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Chia ra	Tổng số giáo viên	Tổng số lớp/Số học sinh	Khối 1 Số học sinh	Khối 2 Số học sinh	Khối 3 Số học sinh	Khối 4 Số học sinh	Khối 5 Số học sinh	
		15	3	3	3	3	3	
	23	424	81	72	84	94	93	
	Tỉ lệ GV/lớp		1,5					
	Tỉ lệ HS/lớp		28	25	27	31	32	
Nữ		206	43	38	31	47	47	
Dân tộc		9		3		3	3	
Nữ dân tộc		4		1		1	2	
Khuyết tật		0						
Diện chính sách		25		1	9	6	9	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Kiến thức – kĩ năng học sinh.							
Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Hoàn thành trở lên	
Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
58	69,9	19	22,9	6	7,2	77	92,8
65	74,7	20	23	2	2,3	85	97,7
61	77,2	16	20,3	2	2,5	77	97,5
51	63	30	37	0	0	81	100
67	71,3	26	27,7	1	1,1	93	98,9
302	71,2	111	26,2	11	2,6	413	97,4

TT	Kết quả năm học	Năm học: 2025-2026	
		Số lượng	Tỉ lệ %
1	Học sinh xuất sắc	103	24,3%
2	Học sinh Tiêu biểu	111	26,2%
3	Học sinh được khen thưởng	268	63,2
4	Học sinh Hoàn thành chương trình lớp học	320	97%
5	Học sinh Hoàn thành chương trình Tiểu học	93	98,9%
6	Rèn luyện trong hè Các em có khó khăn trong học tập về trí tuệ, ngôn ngữ	11	2,3%

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo về công tác phòng dịch tại trường.

- Trang bị đầy đủ CSVC cho công tác phòng chống dịch và thực hiện đúng hướng dẫn của Bộ y tế, phun khử khuẩn tất cả các lớp và các phòng chức năng, phun thuốc diệt muỗi phòng bệnh sốt xuất huyết.

- Thực hiện tốt công tác VS ATTP.

2. Về các phong trào hoạt động khác:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”

- Tham gia vẽ tranh, làm bích báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ...

+ Nhà trường tổ chức Trung thu, Noel, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.

- Tổ chức hoạt động tham quan ngoại khoá đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

3. Công tác tuyên truyền vận động, tài trợ,

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.

- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia ủng hộ từ thiện. Cùng nhà trường trang trí hoa xuân tạo khung cảnh đẹp cho các con.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá học sinh.

- Tổ chức cho 100% giáo viên trong độ tuổi được tập huấn về tin học và ứng dụng phần mềm dạy học. Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

5. Đầu tư cơ sở vật chất

- Cải tạo và chăm sóc cây trồng, bồn hoa, cây xanh, cây bóng mát, tạo môi trường và không gian đẹp, hấp dẫn, thân thiện

6. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra Hoạt động sư phạm nhà giáo của giáo viên. Tăng cường trật tự kỷ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.
- Thực hiện tốt đánh giá viên chức hàng tháng trên hệ thống phần mềm.
- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.
- Không có cá nhân bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.
- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên cuối năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc theo mẫu Phụ lục 1 Kèm Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (có hiệu lực thi hành từ ngày 19/7/2024)/.

Nơi nhận:

- Website:
- Lưu VT_(Giang).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Văn Quyền.